

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Sua

Bà Trần Kim Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 861/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Chí H1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh C (Có mặt)

Bị đơn: Bà Quách Cẩm H2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh C (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Chí H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Quách Cẩm H2 chung sống với nhau năm 1987, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Quách Cẩm H2.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung tên Lê Công D, sinh năm 1989; Lê Công D1, sinh năm: 1995 và Lê Mỹ D2, sinh ngày 08/11/2003. Đối với Lê Công D và Lê Công D1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Lê Mỹ D2, khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến đương sự ngày 20 tháng 11 năm 2020 được lập tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, bị đơn bà Quách Cẩm H2 trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông H1 trình bày. Nay ông H1 yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông H1 có 03 người con chung đúng như ông H1 đã trình bày. Đối với Lê Công D và Lê Công D1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Lê Mỹ D2, sinh ngày 08/11/2003, khi ly hôn bà thống nhất giao con cho ông H1 trực tiếp nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện sức khỏe đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Quách Cẩm H2 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H2 là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Chí H1 và bà Quách Cẩm H2 chung sống với nhau năm 1987 và không có đăng ký kết hôn. Mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân thực tế, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, ông H1, bà H2 cùng xác định: vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên

cực cải, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H1 yêu cầu ly hôn, bà H2 cũng thống nhất ly hôn. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1 đối với bà H2.

[3] Về con chung: Ông H1, bà H2 thống nhất xác định vợ chồng có 03 Lê Công D, sinh năm 1989; Lê Công D1, sinh năm: 1995 và Lê Mỹ D2, sinh ngày 08/11/2003. Đối với Lê Công D và Lê Công D1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Lê Mỹ D2, ông bà thống nhất giao cháu D2 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Giao cháu D2 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu D2 mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H1 và bà H2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H1 và bà H2 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông H1 và bà H2 xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Chí H1 về việc xin ly hôn với bà Quách Cẩm H2. Ông Lê Chí H1 được ly hôn với bà Quách Cẩm H2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Mỹ D2, sinh ngày 08/11/2003 cho ông Lê Chí H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Quách Cẩm H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Mỹ D2 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Chí H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền

300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002388 ngày 17/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Ông Lê Chí H1 có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Quách Cẩm H2 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc